

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU ⁽¹⁾
(Ngày 01 tháng 12 năm 2023) ⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN THUÝ HỒNG**; Ngày tháng năm sinh: **18/09/1983**
- Chức vụ/chức danh công tác: **Phó Hiệu trưởng**
- Cơ quan/đơn vị công tác: **Trường Mầm non Tuổi Hoa**
- Nơi thường trú: **Thị trấn Đông Anh – Đông Anh – Hà Nội**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾ **001183021082**, ngày cấp **15/09/2023**, nơi cấp: **Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội**

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **VŨ ĐỨC TÙNG**; Ngày tháng năm sinh: **19/06/1983**
- Nghề nghiệp: **Công an**
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: **Công an Phường Đồng Kỵ - Thành phố Từ Sơn – Tỉnh Bắc Ninh**
- Nơi thường trú: **Lê Hồng Phong – Đông Ngàn - Từ Sơn – Bắc Ninh**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: **027083006364**; ngày cấp **29/09/2022** nơi cấp: **Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội**

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **VŨ NGUYỄN QUỲNH ANH**; Ngày tháng năm sinh: **29/08/2009**
- Nơi thường trú: **Tổ 4 Thị trấn Đông Anh – Đông Anh – Hà Nội**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: **001309059614** ngày cấp **15/09/2023** nơi cấp: **Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội**

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

- Họ và tên: **VŨ NGỌC THUY**; Ngày tháng năm sinh: **06/03/2012**
- Nơi thường trú: **Tổ 4 Thị trấn Đông Anh – Đông Anh – Hà Nội**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: **Không**

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾: **Không**

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: **Không**

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: **Số 4108 Chung cư Ruby City 1- tổ 8 – Giang Biên – Long Biên**

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: **Căn hộ**

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: **57,3 m²**

- Giá trị⁽¹⁰⁾: **1.000.000.000đ**

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: **Chưa được cấp**

- Thông tin khác (nếu có): **Trả góp**

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): **Không**

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: **Không**

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: **Không**

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: **Không**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: **Không**

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): **Không**

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: **Không**

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: **Không**

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: **Không**

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: **147.420.000 đ**

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): **180.000.000 đ**

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: **0**

- Tổng các khoản thu nhập chung: **0**

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			

2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.			
---	--	--	--

Long Biên, ngày 08 tháng 12 năm 2023
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


Nông Thị Kim Quy
CHUYÊN VIÊN PHÒNG NỘI VỤ QUẬN LONG BIÊN

Long Biên, ngày 01 tháng 12 năm 2023
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN


Nguyễn Thúy Hồng